

Bản án số: 367/2020/HS-ST
Ngày 08-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 363/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Trương Minh S, sinh ngày 09/4/2000 tại tỉnh Trà Vinh; thường trú: Khóm B, thị trấn C Qu, huyện T C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn D, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1963; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 03/4/2018, bị Tòa án nhân dân quận Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2018/HSST.

- Ngày 04/4/2018, bị Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2020 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Võ Đình Chí L, sinh năm 1992; thường trú: Ấp X Nh, xã H Th, huyện V L, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Số 78/2C X L H N, khu phố Ng Th, phường B Th, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Hồng Nh, sinh năm 1994; thường trú: Ấp A X, xã L H, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số 78/2C X L H N, khu phố Ng Th, phường B Th, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Anh Trần Minh Sang, sinh năm 1991; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Trương Minh S có 02 tiền án là người không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài nên đi tìm tài sản của người khác để sơ hở chiếm đoạt bán kiếm tiền tiêu xài.

Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 03/6/2020, Trương Minh S điều khiển xe mô tô biển số 53S7-1995 từ nhà trọ của mình tại phường T Ph, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp người bạn quen xin niềng xe để bán. Sau khi bán niềng xe xong, S điều khiển xe mô tô đến ngã ba T V thuộc khu phố Ng Th, phường B Th, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, khi đến trước chòi lá vá vỏ xe không tên trước cây xăng H Ph của anh Võ Đình Chí L, S nhìn thấy có niềng xe, vỏ xe nên S dừng xe trước chòi rồi đi vào bên trong chòi hỏi mua niềng xe. Khi vào trong chòi không thấy người nên S đi lòng vòng trong chòi thì nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu vàng của chị Lê Thị Hồng Nh để trên võng, S lấy chiếc điện thoại rồi lấy 01 bình ắc quy 12V 25Ah hiệu Đồng Nai của anh L để sát vách chòi lá rồi ra xe để tẩu thoát, khi bước ra khỏi chòi vá vỏ xe thì bị anh Võ Đình Chí L bắt quả tang, trình báo Công an phường B Th lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng vật chứng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 102/BB/ĐG ngày 10/6/2020 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu vàng trị giá 2.800.000 đồng và 01 bình ắc quy 12V 25Ah hiệu Đồng Nai trị giá 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.950.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 102/BB/ĐG ngày 10/6/2020 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại Cáo trạng số: 397/CT-VKS ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Trương Minh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D A, tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Minh S về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Trương Minh S từ 01 năm đến 03 năm tù.

** Về xử lý vật chứng:*

- Đồi 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu vàng và 01 bình ắc quy 12V 25Ah hiệu Đồng Nai, hiện đã thu hồi trả lại cho anh Võ Đình Chí L và Lê Thị Hồng Nh.

- Đồi với 01 (một) mô tô biển số 53S7-1995, là do bị cáo S làm phương tiện phạm tội, qua xác minh tại Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai kết quả không tìm thấy dữ liệu, đồng thời Sang khai nhận mua lại của một người đi đường (không rõ nhân thân, lai ịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương đã đăng báo tìm sở hữu nhưng không có ai đến nhận nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án, đã thu hồi trả lại cho các bị hại anh Võ Đình Chí L và Lê Thị Hồng Nh, các bị hại không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; bị hại; người làm chứng; biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 03/6/2020, tại chòi lá và vỏ xe không tên trước cây xăng H Ph thuộc khu phố Ng Th, phường B Th, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Trương Minh S có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu vàng của chị Lê Thị Hồng Nh và 01 bình ắc quy 12V 25Ah hiệu Đồng Nai của anh Võ Đình Chí L có tổng trị giá 2.950.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Trương Minh S đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 2.950.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 397/CT-VKS ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Trương Minh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ

sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người là người có nhân thân xấu thể hiện bị cáo là người không có nghề nghiệp, có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo là người không biết chữ nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu, có tiền án về tội Trộm cắp tài sản nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi tội phạm, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu vàng và 01 bình ắc quy 12V 25Ah hiệu Đồng Nai, hiện đã thu hồi trả lại cho anh Võ Đình Chí L và Lê Thị Hồng Nh.

- Xét 01 (một) mô tô biển số 53S7-1995, là do bị cáo Sang làm phương tiện phạm tội, qua xác minh tại Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai kết quả không tìm thấy dữ liệu, đồng thời Sang khai nhận mua lại của một người đi đường (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương đã đăng báo tìm sở hữu nhưng không có ai đến nhận nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án, đã thu hồi trả lại cho các bị hại anh Võ Đình Chí L và Lê Thị Hồng Nh, các bị hại không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Minh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trương Minh S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 53S7-1995.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/8/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Minh S phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA